

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 52 /ĐT.

Cần Thơ, ngày 03 tháng 8 năm 2015.

V/v Bố trí lớp và thời khóa biểu
áp dụng cho khóa 41, học kỳ 1, 2015-2016.

Kính gửi:

- Lãnh đạo các khoa;
- Phòng Công tác sinh viên;
- Sinh viên các lớp khóa 41.



Để chuẩn bị cho công tác quản lý và thực hiện kế hoạch giảng dạy học kỳ 1, 2015-2016 đối với các lớp khóa 41 mới nhập trường; Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, Phòng Đào tạo thông báo đến các đơn vị việc phân bố lớp quản lý ngành tạm thời để thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập học kỳ 1, 2015-2016, như sau:

TT	Tên ngành	Mã lớp quản lý thời khóa biểu	Ghi chú
Khoa Sư phạm			
1	SP. Toán học	Mã lớp 1: 1501A1 Mã lớp 2: 1501A2	
2	SP. Vật lý	Mã lớp 1: 1502A1 Mã lớp 2: 1502A2	
3	SP. Hóa học	Mã lớp : 1509A1	
4	SP. Sinh học	Mã lớp 1: 1510A1	
5	SP. Địa lý	Mã lớp : 1516A1	
6	SP. Ngữ văn	Mã lớp : 1517A1	
7	SP. Lịch sử	Mã lớp : 1518A1	
8	Giáo dục tiểu học	Mã lớp : 15X3A1	
Khoa Ngoại ngữ			
1	SP. Tiếng Anh	Mã lớp 1: 15X1A1 Mã lớp 2: 15X1A2	
2	SP. Tiếng Pháp	Mã lớp 1: 15X2A1 Mã lớp 2: 15X2A2	
3	Ngôn ngữ Anh	Mã lớp 1: 15V1A1 Mã lớp 2: 15V1A2 Mã lớp 3: 15V1A3 Mã lớp 4: 15V1A4	
4	Ngôn ngữ Pháp	Mã lớp 1: 15Z9A1 Mã lớp 2: 15Z9A2	
Khoa Nông nghiệp & Sinh học ứng dụng			
1	Công nghệ thực phẩm	Mã lớp 1: 1508A1 Mã lớp 2: 1508A2	
2	Khoa học cây trồng	Mã lớp 1: 15X8A1 Mã lớp 2: 15X8A2 Mã lớp 3: 15X8A3	
3	Chăn nuôi	Mã lớp 1: 1512A1	

TT	Tên ngành	Mã lớp quản lý thời khóa biểu	Ghi chú
		Mã lớp 2: 1512A2	
4	Thú Y	Mã lớp 1: 1567A1 Mã lớp 2: 1567A2	
5	Khoa học đất	Mã lớp 1: 1572A1 Mã lớp 2: 1572A2	
6	Bảo vệ thực vật	Mã lớp 1: 1573A1 Mã lớp 2: 1573A2 Mã lớp 3: 1573A3	
7	Nông học	Mã lớp 1: 1519A1 Mã lớp 2: 1519A2	
8	Sinh học ứng dụng	Mã lớp : 15V8A1	
9	CN Rau hoa quả và cảnh quan	Mã lớp : 15X9A1	
10	Công nghệ sau thu hoạch	Mã lớp : 15U5A1	
Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh			
1	Kế toán	Mã lớp 1: 1520A1 Mã lớp 2: 1520A2	
2	Kiểm toán	Mã lớp 1: 15V5A1 Mã lớp 2: 15V5A2	
3	Tài chính-ngân hàng	Mã lớp 1: 1521A1 Mã lớp 2: 1521A2 Mã lớp 3: 1521A3	
4	Quản trị kinh doanh	Mã lớp 1: 1522A1 Mã lớp 2: 1522A2	
5	Kinh tế nông nghiệp	Mã lớp 1: 1523A1 Mã lớp 2: 1523A2	
6	Kinh doanh quốc tế	Mã lớp 1: 15W4A1 Mã lớp 2: 15W4A2	
7	Marketing	Mã lớp : 1545A1	
8	QT dịch vụ Du lịch và lữ hành	Mã lớp 1: 15W2A1 Mã lớp 2: 15W2A2	
9	Kinh tế	Mã lớp 1: 15W1A1 Mã lớp 2: 15W1A2	
10	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Mã lớp 1: 1590A1 Mã lớp 2: 1590A2	
11	Kinh doanh thương mại	Mã lớp 1: 15W3A1 Mã lớp 2: 15W3A2	
Khoa Dự bị dân tộc			
1	Dự bị đại học (K.A)	Mã lớp : 1529A1 Mã lớp : 1529A2 (Cử tuyển)	
2	Dự bị đại học (K.B)	Mã lớp : 1529B1 Mã lớp : 1529B2 (Cử tuyển)	
3	Dự bị đại học (K.C)	Mã lớp : 1529C1 Mã lớp : 1529C2 (Cử tuyển)	
4	Dự bị đại học (K.D)	Mã lớp : 1529D1 Mã lớp : 1529D2 (Cử tuyển)	
Khoa Luật			

TT	Tên ngành	Mã lớp quản lý thời khóa biểu	Ghi chú
1	Luật	Mã lớp 1: 1532A1 Mã lớp 2: 1532A2 Mã lớp 3: 1532A3 Mã lớp 4: 1532A4	
Bộ môn Giáo dục thể chất			
1	Giáo dục thể chất	Mã lớp 1: 15X6A1 Mã lớp 2: 15X6A2	
Khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên			
1	Khoa học môi trường	Mã lớp 1: 1538A1 Mã lớp 2: 1538A2	
2	Quản lý đất đai	Mã lớp 1: 1525A1 Mã lớp 2: 1525A2	
3	QL tài nguyên & Môi trường	Mã lớp 1: 15X7A1 Mã lớp 2: 15X7A2	
4	Kỹ thuật môi trường	Mã lớp 1: 1557A1 Mã lớp 2: 1557A2	
5	Kỹ thuật tài nguyên nước	Mã lớp 1: 15U2A1 Mã lớp 2: 15U2A2	
6	Lâm sinh	Mã lớp 1: 15V4A1 Mã lớp 2: 15V4A2	
Khoa Khoa học xã hội & nhân văn			
1	Văn học	Mã lớp 1: 15W7A1 Mã lớp 2: 15W7A2	
2	Việt Nam học	Mã lớp 1: 15W8A1 Mã lớp 2: 15W8A2	
3	Thông tin học	Mã lớp 1: 15W9A1 Mã lớp 2: 15W9A2	
4	Xã hội học	Mã lớp : 15U4A1	
Khoa Công nghệ			
1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Mã lớp 1: 1540A1 Mã lớp 2: 1540A2 Mã lớp 3: 1540A3	
2	Kỹ thuật cơ - điện tử	Mã lớp 1: 15Y6A1 Mã lớp 2: 15Y6A2	
3	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Mã lớp 1: 15V6A1 Mã lớp 2: 15V6A2	
4	Kỹ thuật điện, điện tử	Mã lớp 1: 1561A1 Mã lớp 2: 1561A2	
5	KT điện tử, truyền thông	Mã lớp 1: 15Y5A1 Mã lớp 2: 15Y5A2	
6	KT điều khiển và tự động hóa	Mã lớp 1: 15Y8A1 Mã lớp 2: 15Y8A2	
7	Quản lý công nghiệp	Mã lớp 1: 1583A1 Mã lớp 2: 1583A2	
8	Kỹ thuật cơ khí	Mã lớp 1: 1548A1 Mã lớp 2: 1548A2	

TT	Tên ngành	Mã lớp quản lý thời khóa biểu	Ghi chú
		Mã lớp 3: 1548A3	
9	Kỹ thuật máy tính	Mã lớp 1: 15Z5A1 Mã lớp 2: 15Z5A2	
Khoa Khoa học chính trị			
1	Chính trị học	Mã lớp 1: 15V9A1 Mã lớp 2: 15V9A2	
2	Triết học	Mã lớp 1: 15U3A1 Mã lớp 2: 15U3A2	
3	Giáo dục công dân	Mã lớp : 15X4A1	
Khoa Khoa học tự nhiên			
1	Vật lý kỹ thuật	Mã lớp : 15U1A1	
2	Hóa học	Mã lớp 1: 1569A1 Mã lớp 2: 1569A2	
3	Toán ứng dụng	Mã lớp 1: 1589A1 Mã lớp 2: 1589A2	
4	Sinh học	Mã lớp 1: 1594A1 Mã lớp 2: 1594A2	
Khoa Thủy sản			
1	Bệnh học thủy sản	Mã lớp 1: 1576A1 Mã lớp 2: 1576A2	
2	Nuôi trồng thủy sản	Mã lớp 1: 1513A1 Mã lớp 2: 1513A2	
3	QL nguồn lợi thủy sản	Mã lớp : 15W5A1	
4	CN. Chế biến thủy sản	Mã lớp 1: 1582A1 Mã lớp 2: 1582A2	
Viện nghiên cứu phát triển đồng bằng Sông Cửu Long			
1	Phát triển nông thôn	Mã lớp 1: 15X5A1 Mã lớp 2: 15X5A2	
Khoa Công nghệ thông tin & truyền thông			
	Công nghệ thông tin	Mã lớp 1: 15V7A1 Mã lớp 2: 15V7A2 Mã lớp 3: 15V7A3	
1	Hệ thống thông tin	Mã lớp 1: 1595A1 Mã lớp 2: 1595A2	
2	Kỹ thuật phần mềm	Mã lớp 1: 1596A1 Mã lớp 2: 1596A2	
3	Truyền thông & mạng máy tính	Mã lớp 1: 15Y9A1 Mã lớp 2: 15Y9A2	
4	Khoa học máy tính	Mã lớp 1: 15Z6A1 Mã lớp 2: 15Z6A2	
Viện nghiên cứu và phát triển Công nghệ sinh học			
1	Công nghệ sinh học	Mã lớp 1: 1566A1 Mã lớp 2: 1566A2	
Khoa Phát triển nông thôn			
1	Nuôi trồng thủy sản	Mã lớp 1: 1513A5 Mã lớp 2: 1513A6	

TT	Tên ngành	Mã lớp quản lý thời khóa biểu	Ghi chú
2	Ngôn ngữ Anh	Mã lớp 1: 15V1A5 Mã lớp 2: 15V1A6	
3	Quản trị kinh doanh	Mã lớp 1: 1522A5 Mã lớp 2: 1522A6	
4	Kinh tế Nông nghiệp	Mã lớp 1: 1523A5 Mã lớp 2: 1523A6	
5	Luật	Mã lớp 1: 1532A5 Mã lớp 2: 1532A6	
6	Công nghệ thông tin	Mã lớp 1: 15V7A5 Mã lớp 2: 15V7A6	
7	Kỹ thuật công trình xây dựng	Mã lớp : 1540A5	
8	Nông học	Mã lớp 1: 1519A5 Mã lớp 2: 1519A6	
9	Khuyến nông	Mã lớp 1: 15U6A5 Mã lớp 2: 15U6A6	
10	Việt Nam học	Mã lớp 1: 15W8A5 Mã lớp 2: 15W8A6	
11	Kinh doanh Nông nghiệp	Mã lớp : 15U7A5	

Đề nghị các đơn vị:

Phổ biến thời khóa biểu đến các lớp khóa 41 thuộc đơn vị quản lý thông qua Cố vấn học tập hoặc các phương tiện thông tin khác.

Mã lớp từng ngành tương ứng trong bảng trên, sinh viên học theo thời khóa biểu lớp nào được ghi rõ trong giấy báo trúng tuyển.

Thời khóa biểu các lớp khóa 41 thuộc đơn vị quản lý được gửi kèm theo thông báo này.

Đối với các ngành có thực hiện đăng ký chuyên ngành, cần lưu ý sinh viên vẫn thực hiện thời khóa biểu theo mã lớp đã ghi trong giấy báo trúng tuyển cho đến hết học kỳ 1, 2015-2016.

Kính chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT (PĐT).

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Minh Trí

Cần Thơ, ngày tháng 8 năm 2015

LỊCH HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH KHÓA 41
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2015-2016

ĐỢT	THỜI GIAN HỌC	NGÀNH	MÃ SỐ LỚP THỜI KHÓA BIỂU	KÝ HIỆU NHÓM LỚP
1	Học phần 1: 14.9.15-20.9.15 Học phần 2: 21.9.15-27.9.15 Học phần 3: 28.9.15-02.10.15	SP.Toán+ GD. Tiểu học	1501(A1+A2)+ 15X3A1	A01
		SP. Lý	1502(A1+A2)	
		SP.Sinh + SP. Hóa	1510(A1+A2)+ 1509A1	
		SP. Tiếng Anh+SP. Tiếng Pháp	15X1(A1+A2)+15X2(A1+A2)	
		SP.Ngữ văn	1517A1	
		SP. Lịch Sử + SP. Địa lý	1518A1+1516A1	
2	Học phần 1: 05.10.15-11.10.15 Học phần 2: 12.10.15-18.10.15 Học phần 3: 19.10.15-23.10.15	Hóa học + Sinh học	1569(A1+A2) + 1594(A1+A2)	B01
		Tóán ứng dụng + Vật lý kỹ thuật	1589(A1) + 15U1A1	
		Luật	1532(A1+A2+A3+A4)	
3	Học phần 1: 26.10.15-01.11.15 Học phần 2: 02.11.15-08.11.15 Học phần 3: 09.11.15-13.11.15	Kỹ thuật điện, điện tử	1561(A1+A2)	C01
		Quản lý CN	1583(A1+A2)	
		KT Cơ điện tử+CN Kỹ thuật hóa học	15Y6(A1+A2)+15V6(A1+A2)	
		KT điều khiển&TĐ hóa	15Y8(A1+A2)	
		KT điện tử, truyền thông	15Y5(A1+A2)	
4	Học phần 1: 16.11.15-22.11.15 Học phần 2: 23.11.15-29.11.15 Học phần 3: 30.11.15-04.12.15	Hệ thống thông tin	1595(A1+A2)	D01
		Công nghệ thông tin+K.thuật phần mềm	15V7(A1+A2+A3)+1596(A1+A2)	
		TT&mạng máy tính+Khoa học máy tính	15Y9(A1+A2)+15Z6(A1+A2)	
5	Học phần 1: 07.12.15-13.12.15 Học phần 2: 14.12.15-20.12.15 Học phần 3: 21.12.15-25.12.15	Kỹ thuật máy tính	15Z5(A1+A2)	E01
		Kỹ thuật cơ khí	1548(A1+A2+A3)	
		Kỹ thuật công trình xây dựng	1540(A1+A2+A3+A4)	

Ghi chú:

+ Học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh được dạy tập trung trong 3 tuần lễ, bao gồm ba học phần (theo thời gian cụ thể cho từng đợt như trên). Trong thời gian này các lớp nghỉ học các học phần khác.

+ Địa điểm học: Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng An ninh, Khu Hòa An tỉnh Hậu Giang.

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Minh Trí

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 1595A1 (Số: 60); Ngành: Hệ thống thông tin - Khoa: C.nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN033	D01		Tin học căn bản	02226	Thái	123-----	106/C1	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	TN001	D01		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	---45-----	105/B1	7890123
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	TN001	D01		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	--345-----	201/KH	7890123
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	TN034	D01		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH3	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	TN001	D01		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	-----67-----	103/KH	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	TN034	D01		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH3	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D01		Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	02297	Phương	-----90---	401/TS	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 1595A2 (Số Sĩ: 60); Ngành: Hệ thống thông tin - Khoa: C.nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN033	D01		Tin học căn bản	02226	Thái	123-----	106/C1	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	TN001	D01		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	---45-----	105/B1	7890123
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	TN001	D01		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	--345-----	201/KH	7890123
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	TN034	D01		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH3	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	TN001	D01		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	-----67-----	103/KH	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	TN034	D01		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH3	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D02		Cổ vấn học tập sinh hoạt lớp	02479	Khiêm	-----90---	402/TS	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 1596A1 (Số Sĩ: 60); Ngành: Kỹ thuật phần mềm - Khoa: Công nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN001	D02		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	123-----	103/KH	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	TN033	D02		Tin học căn bản	02482	Hoàng	123-----	106/C1	7890123
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	TN001	D02		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	12-----	102/KH	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	TN034	D02		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH3	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	TN001	D02		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	-----67-----	102/KH	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	TN034	D02		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH2	7890123
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D03		Cổ vấn học tập sinh hoạt lớp	00520	Thái	-----90---	101/C2	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 1596A2 (Số Sĩ: 60); Ngành: Kỹ thuật phần mềm - Khoa: Công nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN001	D02		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	123-----	103/KH	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	TN033	D02		Tin học căn bản	02482	Hoàng	123-----	106/C1	7890123
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	TN001	D02		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	12-----	102/KH	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	TN034	D02		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH3	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	TN001	D02		Vi - Tích phân A1	02605	Cường	-----67-----	102/KH	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	TN034	D02		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH2	7890123
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D04		Cổ vấn học tập sinh hoạt lớp	02299	Thái	-----90---	104/C2	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 15V7A1 (Số Sĩ: 80); Ngành: Công nghệ thông tin - Khoa: Công nghệ Thông tin & TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	TN001	D03		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----67-----	110/B1	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	TN033	D03		Tin học căn bản	01603	Tú	123-----	201/C1	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	TN001	D03		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	---45-----	203/KH	7890123
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	TN034	D03		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH4	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	TN001	D03		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----678-----	115/B1	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	TN034	D03		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH4	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D05		Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	01349	Lâm	-----90---	106/C2	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 15V7A2 (Sĩ Số: 80); Ngành: Công nghệ thông tin - Khoa: C.nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	TN033	D04		Tin học căn bản	01603	Tú	123-----	201/C1	7890123
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	TN001	D04		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	---45-----	110/B1	7890123
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	TN001	D04		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----678-----	108/B1	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	TN034	D03		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH4	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	TN034	D03		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH4	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	TN001	D04		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----89----	212/B1	7890123
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D06		Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	01349	Lâm	-----90---	210/KH	2 4

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 15V7A3 (Số Số: 80); Ngành: Công nghệ thông tin - Khoa: C. nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	TN001	D05		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	123-----	210/B1	7890123
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	TN001	D05		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	12-----	201/KH	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	TN033	D05		Tin học căn bản	01603	Tú	-----678-----	204/C1	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	TN034	D03		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH4	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	TN034	D03		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH4	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	TN001	D05		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----67-----	104/B1	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D07		Cổ vấn học tập sinh hoạt lớp	01603	Tú	-----90---	107/C2	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.



Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 15Y9A1 (Sĩ Số: 60); Ngành: Truyền thông & Mạng MT - Khoa: C.nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN034	D06		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH3	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
2	TN001	D06		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----89----	103/KH	7890123
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	TN001	D06		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----67-----	102/KH	7890123
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	TN034	D06		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH2	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	TN033	D06		Tin học căn bản	02479	Khiêm	-----678-----	106/C1	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	TN001	D06		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	123-----	201/KH	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D08		Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	01124	Hùng	-----90---	108/C2	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 15Y9A2 (Số Sĩ: 60); Ngành: Truyền thông & Mạng MT - Khoa: Công nghệ Thông tin & TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN034	D06		TT.Tin học căn bản			12345-----	TH-KH3	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
2	TN001	D06		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----89----	103/KH	7890123
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	TN001	D06		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----67-----	102/KH	7890123
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	TN034	D06		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH2	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	TN033	D06		Tin học căn bản	02479	Khiêm	-----678-----	106/C1	7890123
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	TN001	D06		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	123-----	201/KH	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D09		Cổ văn học tập sinh hoạt lớp	01588	Nghĩa	-----90---	109/C2	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.

**Thời Khóa Biểu Lớp**

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 15Z6A1 (Số Sĩ: 60); Ngành: Khoa học máy tính - Khoa: Công nghệ Thông tin & TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN001	D07		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	12-----	106/B1	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	TN001	D07		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----89----	102/KH	7890123
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	TN034	D07		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH1	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
									1234567890123456789
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
6	TN033	D07		Tin học căn bản	01707	Hiền	123-----	106/C1	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
6	TN034	D07		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH1	7890123
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
7	TN001	D07		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----678-----	108/C1	7890123
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
7	SHCVHT	D10		Cổ văn học tập sinh hoạt lớp	01945	Quý	-----90---	110/C2	9 5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.



Thời Khóa Biểu Lớp

Học Kỳ 1 - Năm Học 15-16

Mã lớp thời khóa biểu: 15Z6A2 (Sĩ Số: 60); Ngành: Khoa học máy tính - Khoa: C.nghệ Thông tin&TT

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 03/08/15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 1234567890123456789
Thời Khóa Biểu Học Tập									
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
2	TN001	D07		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	12-----	106/B1	7890123
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
2	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
2	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
2	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
3	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
3	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
3	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
3	TN001	D07		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----89----	102/KH	7890123
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8
4	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6
4	TN034	D07		TT.Tin học căn bản			-----67890----	TH-KH1	7890123
4	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7
4	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8

Thời Khóa Biểu Lớp

Thứ	Mã HP	Ký hiệu	NL	Tên Học phần	G.viên	Tên G.viên	Tiết Học	Phòng	Tuần Học	
									1234567890123456789	
5	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6	
5	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7	
5	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8	
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6	
6	TN033	D07		Tin học căn bản	01707	Hiền	123-----	106/C1	7890123	
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7	
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8	
6	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6	
6	TN034	D07		TT.Tin học căn bản			-----67890---	TH-KH1	7890123	
6	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7	
6	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8	
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			1234-----	TTGDQP	6	
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			1234-----	TTGDQP	7	
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			1234-----	TTGDQP	8	
7	QP003	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 1			-----6789----	TTGDQP	6	
7	TN001	D07		Vi - Tích phân A1	02693	Quốc	-----678-----	108/C1	7890123	
7	QP004	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 2			-----6789----	TTGDQP	7	
7	QP005	D01		Giáo dục quốc phòng-An ninh 3			-----6789----	TTGDQP	8	
7	SHCVHT	D11		Cố vấn học tập sinh hoạt lớp	02265	Dung	-----90---	201/C2	9	5

Ghi chú: Tiết học: 1,2,3,4,5: buổi Sáng; 6,7,8,9,10: buổi Chiều.

Thời gian cụ thể từng tiết học tham khảo trên WEBSITE trường.

Tuần học: Khóa mới 41 bắt đầu từ tuần 7 của học kỳ (ngày 14/9/2015).

Phòng: Tra cứu ký hiệu mã số phòng học từng dãy nhà học trên WEBSITE trường.